

Số: /VPUB-KSTT

Điện Biên, ngày tháng năm 2025

V/v công khai, không công khai
TTHC tại Quyết định số 1322/QĐ-
UBND ngày 27/6/2025 của Chủ
tịch UBND tỉnh

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- UBND các xã, phường.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các Quyết định: số 1322/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Y tế tỉnh Điện Biên.

Đến nay, việc nhập, đăng tải công khai dữ liệu 13 thủ tục hành chính (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*), không công khai 18 thủ tục hành chính (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*) được công bố tại Quyết định nêu trên vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của Cổng dịch vụ công quốc gia đã hoàn thành; thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị:

1. Sở Y tế

- Khai thác thông tin, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Phụ lục kèm theo Công văn này lên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và niêm yết trên Bảng niêm yết thủ tục hành chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, tìm hiểu, nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo mã số đã công khai.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Kết nối, đồng bộ các thủ tục hành chính giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Đóng thông tin và quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đối với các thủ tục không công khai

Nhận được Văn bản này, đề nghị Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KSTT_(ĐTTH).

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Phạm Thế Xuyên

Phụ lục I
DANH SÁCH TTHC TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1322/QĐ-UBND NGÀY 27/6/2025
CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐÃ CÔNG KHAI TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU
TTHC CỦA CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm theo Công văn số /VPUB-KSTT ngày / /2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

Thủ tục hành chính công khai

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Mức độ DVCTT
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	1.013814.H18	DVCTT toàn trình
2	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	1.013815.H18	DVCTT toàn trình
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	1.013817.H18	DVCTT toàn trình
4	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	1.013820.H18	DVCTT toàn trình
5	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	1.012993.000.00.0 0.H18	DVCTT toàn trình
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh, xã		
1	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000286.000.00.0 0.H18	DVCTT toàn trình
2	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2.000282.000.00.0 0.H18	DVCTT toàn trình
3	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2.000477.000.00.0 0.H18	DVCTT toàn trình
C	Thủ tục hành chính cấp xã		
1	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	1.013821.H18	DVCTT toàn trình
2	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	1.013822.H18	DVCTT toàn trình
3	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp	1.001776.000.00.0	DVCTT

	xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	0.H18	toàn trình
4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.0 0.H18	DVCTT toàn trình
5	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355.000.00.0 0.H18	DVCTT toàn trình

Phụ lục II

DANH SÁCH TTHC KHÔNG CÔNG KHAI TẠI QUYẾT ĐỊNH 1322/QĐ-UBND NGÀY 27/6/2025 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH

(Kèm theo Công văn số _____ /VPUB-KSTT ngày ____ / ____ /2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh	
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.000216.000.00.00.H18
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.000114.000.00.00.H18
3	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế	2.000062.000.00.00.H18
4	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2.000135.000.00.00.H18
5	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	2.000056.000.00.00.H18
6	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế cấp	2.000051.000.00.00.H18
7	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	1.012991.000.00.00.H18
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	1.012992.000.00.00.H18
B	Thủ tục hành chính cấp huyện	
1	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí	1.001758.000.00.00.H18

	chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
2	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H18
3	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H18
4	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2.000777.000.00.00.H18
5	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H18
6	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp	1.000684.000.00.00.H18
7	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế	2.000298.000.00.00.H18
8	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	2.000294.000.00.00.H18
9	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế	1.000669.000.00.00.H18
C	Thủ tục hành chính cấp xã	
1	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H18